

Các đồng chí được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định tham gia đảng uỷ quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ quân sự; tham gia đảng uỷ quân sự từ khi được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ quân sự khi thôi giữ chức vụ bí thư cấp uỷ, chủ tịch Uỷ ban nhân dân.

23.3.2. Tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

a) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bộ đội biên phòng thì tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh uỷ, thành uỷ, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ bộ đội biên phòng cấp trên.

b) Cơ quan chính trị bộ đội biên phòng cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng bộ đội biên phòng cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng thuộc cấp uỷ địa phương cùng cấp.

c) Cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công một đồng chí phó bí thư phụ trách cấp uỷ bộ đội biên phòng.

24. Điều 28 (Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4): Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ; cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân

24.1. (Khoản 1): Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ.

24.1.1. Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở tỉnh, thành phố.

24.1.2. Bộ Chính trị uỷ nhiệm cho Đảng uỷ Công an Trung ương khi cần thiết mời các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ để truyền đạt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân.

24.2. (Khoản 3, Khoản 4): Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân.

24.2.1. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng thuộc Bộ Công an hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an

Trung ương, tham mưu thực hiện công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương; tham mưu, giúp Đảng uỷ Công an Trung ương phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

24.2.2. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân mỗi cấp hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng của cấp trên, sự hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp uỷ địa phương cùng cấp; tham mưu thực hiện công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong công an cấp mình; tham mưu, giúp cấp uỷ công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp uỷ địa phương cấp dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

25. Điều 29: Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp; việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp

25.1. (Khoản 1): Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp.

Cấp uỷ đảng công an địa phương cấp nào có nhiệm vụ tham mưu, giúp cấp uỷ địa phương cấp đó lãnh đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

25.2. (Khoản 2): Việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp.

25.2.1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ; huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ phân công đồng chí phó bí thư là chủ tịch Uỷ ban nhân dân phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp.

25.2.2. Đồng chí phó bí thư là chủ tịch Uỷ ban nhân dân được phân công phụ trách đảng uỷ công an địa phương cùng cấp thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt của cấp uỷ công an; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ địa phương về hoạt động của cấp uỷ công an; tham gia cùng cấp uỷ địa phương lãnh đạo kiện toàn cấp uỷ công an; trực tiếp tham dự các hội nghị quan trọng của cấp uỷ công an để truyền đạt ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ địa phương đối với cấp uỷ công an về những vấn đề có liên quan đến giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

25.2.3. Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, cấp uỷ công an báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí phó bí thư là chủ tịch Uỷ ban nhân dân phụ trách về những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương trước khi báo cáo, xin ý kiến cấp uỷ địa phương.

26. Điều 31: Tổ chức cơ quan uỷ ban kiểm tra

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn về tổ chức bộ máy của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

27. Điều 34: Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên

27.1. Hình thức khen thưởng trong Đảng.

27.1.1. Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

27.1.2. Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng; tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

27.2. Thẩm quyền khen thưởng.

27.2.1. Chi bộ: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong chi bộ.

27.2.2. Đảng uỷ bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

27.2.3. Chi bộ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho đảng viên trong chi bộ. Đảng uỷ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

27.2.4. Huyện uỷ (và tương đương): Tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

27.2.5. Tỉnh uỷ (và tương đương): Tặng bằng khen, tặng cờ cho tổ chức đảng, tặng Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

27.2.6. Việc tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và đảng viên thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

27.3. Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng.

27.3.1. Tiêu chuẩn, đối tượng tặng Huy hiệu Đảng:

a) Những đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, giữ gìn được tư cách đảng viên, có đủ 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng trở lên thì được tặng Huy hiệu Đảng.

b) Đảng viên bị bệnh nặng hoặc từ trần có thể được xét tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng không được quá một năm; đảng viên 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng trở lên nếu bị bệnh nặng có thể được xét tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng không được quá hai năm theo quy định.

c) Tại thời điểm xét tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên bị kỷ luật về Đảng thì chưa được xét tặng; sau 6 tháng (đối với kỷ luật khiển trách), 9 tháng (đối với kỷ luật cảnh cáo), 1 năm (đối với kỷ luật cách chức), nếu sửa chữa tốt khuyết điểm, được chi bộ công nhận sẽ được xét tặng Huy hiệu Đảng.

27.3.2. Việc tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ đối với tổ chức đảng; tặng giấy khen, bằng khen đối với đảng viên và thủ tục xét tặng Huy hiệu Đảng, các hình thức khen thưởng khác trong Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

27.4. Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng.

27.4.1. Tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

27.4.2. Tặng phẩm kèm theo đối với đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và các hình thức khen thưởng khác trong Đảng được quy định thống nhất, nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng chung của các địa phương, ngành hoặc một phần từ tài chính đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.

28. Điều 41: Một số quy định cụ thể về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội

28.1. Điều 41 (Khoản 2): Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

28.1.1. Nguyên tắc quản lý cán bộ:

a) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên

trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

b) Tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Khi ý kiến người đứng đầu khác ý kiến của tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, quyết định về cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

đ) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng; cấp uỷ cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp uỷ cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

e) Mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp quản lý cán bộ (kể cả các đồng chí Ủy viên Trung ương) đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

28.1.2. Quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ.

b) Đánh giá cán bộ.

c) Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

d) Bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm cán bộ.

đ) Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

e) Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

g) Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ.

28.2. Điều 41 (Khoản 3): Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

28.2.1. Tiêu chuẩn chung của cán bộ.

a) Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) Cần kiệm, liên chính, chí công, vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin nhiệm.

c) Có trình độ hiểu biết về chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

28.2.2. Phân cấp việc giới thiệu cán bộ để bầu hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

a) Ở Trung ương:

- Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu 3 chức danh: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để Quốc hội bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước và các thành viên Chính phủ.

- Bộ Chính trị giới thiệu các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý để Chính phủ trình Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

- Ban Bí thư giới thiệu các chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý để Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; Uỷ ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

b) Ở địa phương:

- Ban chấp hành đảng bộ các cấp giới thiệu chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Uỷ ban nhân dân để Hội đồng nhân dân bầu (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định); tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp uỷ quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định).

- Ban thường vụ cấp uỷ các cấp giới thiệu các chức danh thuộc diện ban thường vụ quản lý để Uỷ ban nhân dân các cấp xem xét, bổ nhiệm; Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

29. Điều 42 (Khoản 1): Việc lập đảng đoàn trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội

29.1. Ở cấp Trung ương:

29.1.1. Lập Đảng đoàn: Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Đảng đoàn Quốc hội lập tổ đảng ở Thường trực Hội đồng Dân tộc, thường trực các ủy ban của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội; tổ đảng ở đoàn đại biểu Quốc hội (hoạt động tại các kỳ họp của Quốc hội).

29.1.2. Đối với các tổ chức hội quần chúng: Lập đảng đoàn ở Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam... Một số hội chính trị - xã hội có quy mô lớn, có vị trí quan trọng được lập đảng đoàn theo quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

29.2. Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Lập đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội (hội liên hiệp phụ nữ, liên đoàn lao động, hội cựu chiến binh, hội nông dân), liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật.

30. Điều 43 (Khoản 1): Việc lập ban cán sự đảng trong cơ quan hành pháp, tư pháp

30.1. Ở cấp Trung ương: Lập Ban cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng bộ, ngành quản lý nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan tư pháp.

30.2. Ở cấp tỉnh: Lập ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân và ban cán sự đảng cơ quan tư pháp tỉnh.

Tổ chức và nhân sự của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

Ngoài các quy định trên đây, nơi nào cần lập đảng đoàn, ban cán sự đảng thì giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

31. Điều 42, Điều 43: Nhiệm vụ, quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng; thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng

31.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng.

31.1.1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; phương hướng, nhiệm vụ chính trị, tổ chức, cán bộ của ngành, đơn vị; lãnh đạo kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ; phối hợp với các cấp uỷ đảng để xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về các đề xuất và quyết định của mình.

31.1.2. Đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi các thành viên của đảng đoàn, ban cán sự đảng có ý kiến khác nhau, qua thảo luận không thống nhất được thì xin ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ: Ở Trung ương báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ.

31.1.3. Đảng đoàn, ban cán sự đảng họp định kỳ một tháng một lần, họp đột xuất khi cần. Các cuộc họp đều phải ghi biên bản, có kết luận và ra nghị quyết để lưu hành, thực hiện trong nội bộ. Đồng chí bí thư chủ trì công việc chung, chủ toạ các cuộc họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản báo cáo với cấp uỷ cùng cấp. Hằng năm, đảng đoàn, ban cán sự đảng báo cáo cấp uỷ cùng cấp (ở Trung ương báo cáo Ban Bí thư, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ) về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể mình.

31.1.4. Đảng đoàn, ban cán sự đảng được sử dụng bộ máy giúp việc chuyên trách của cơ quan, đơn vị để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo của mình. Nếu xét thấy cần thiết thì tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng có thể quyết định bố trí một số cán bộ chuyên trách giúp việc.

31.2. Việc thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng.

31.2.1. Ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng, để thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng thì cấp uỷ giao trách nhiệm cho cấp uỷ viên và đảng viên là cán bộ phụ trách các cơ quan, đoàn thể cùng cấp phát huy vai trò, trách nhiệm của đảng uỷ, chi uỷ trong các cơ quan, đơn vị đó theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

31.2.2. Khi tập thể lãnh đạo cơ quan, đoàn thể thảo luận, quyết định về chủ trương, nhiệm vụ và công tác cán bộ của ngành, đoàn thể và cơ quan thì đảng viên là thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo đoàn thể đó mời đại diện của đảng uỷ, chi uỷ cơ quan tham gia. Khi cấp uỷ họp bàn về việc thực hiện nghị quyết của Đảng thì đảng uỷ, chi uỷ mời thủ trưởng tham dự (nếu thủ trưởng không trong cấp uỷ hoặc không phải là đảng viên).

32. Điều 44: Cấp uỷ đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp

Cấp uỷ cùng cấp phân công cấp uỷ viên theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chức đoàn. Định kỳ hằng năm, tập thể ban thường vụ cấp uỷ nghe báo cáo để lãnh đạo, chỉ đạo về hoạt động của tổ chức đoàn cùng cấp.

33. Điều 46: Đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

33.1. Đảng phí: Đảng viên đóng đảng phí trên cơ sở tiền lương, tiền công, khoản thu nhập coi như tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp theo tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí... theo quy định của Bộ Chính trị.

33.2. Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

33.2.1. Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng đảng phí, tài chính của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tài chính.

33.2.2. Cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên và các tổ chức đảng cấp dưới về hoạt động và quản lý tài chính, tài sản ở cấp mình.

33.2.3. Cấp uỷ các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (phòng, bộ phận...) hoặc cử cán bộ giúp cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng; định kỳ báo cáo với cấp uỷ cấp mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

33.2.4. Tài chính, tài sản của Đảng được công khai trong nội bộ từng cấp uỷ đảng và trong từng cơ quan đảng theo năm ngân sách nhà nước. Hằng năm, cơ quan tài chính đảng các cấp có trách nhiệm báo cáo quyết toán ngân sách năm trước và dự toán năm sau với cấp uỷ cấp mình.

33.2.5. Ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

34. Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được quy định một số vấn đề khác theo thẩm quyền.

35. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc nghiên cứu đề hướng dẫn những vấn đề thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hoá những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành.

Các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng